

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 9 - 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Mạnh Huy;

2. Ông Phạm Ngọc Quang.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Trần Thị Huyền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** ông Phạm Hữu Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2024 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/9/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** anh Bùi Trọng Đ, sinh năm 1984. Địa chỉ: số nhà A, đường D, phố A, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. (Có mặt)

2. **Bị đơn:** chị Duong Thom M, sinh năm 1966. Địa chỉ: B L, H, MS C, Hoa Kỳ. (Vắng mặt, có Văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

Người đại diện nhận văn bản tố tụng và giao nộp tài liệu chứng cứ theo ủy quyền của chị Duong Thom M: ông Dương Văn S, sinh năm 1955. Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Bùi Trọng Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và cô Duong T Mary có đăng ký kết hôn vào ngày 06/11/2018 tại Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự do tìm hiểu, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh tiếp tục sinh sống tại Việt Nam và chuẩn bị các thủ tục để phỏng vấn sang đoàn tụ gia đình với vợ. Còn cô Duong

Thom M quay trở lại Hoa Kỳ để làm việc và thực hiện các thủ tục tại Hoa Kỳ để đưa anh sang đoàn tụ. Tuy nhiên, sau khi hoàn thiện các thủ tục xong, anh thực hiện phỏng vấn để nhập cư vào Hoa Kỳ thì không được. Anh đã phỏng vấn nhiều lần nhưng không đỗ nên vợ chồng không thể hợp pháp hoá đời sống chung được. Từ khi kết hôn đến nay, vợ chồng anh không chung sống cùng nhau. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, điều kiện địa lý xa cách. Anh xác định không có tình nghĩa vợ chồng với cô Duong Thom M; anh không còn tình cảm với cô Duong Thom M nữa nên anh đề nghị Toà án cho anh được ly hôn cô Duong Thom M để anh ổn định cuộc sống.

Về con chung, về tài sản chung, công nợ chung: vợ chồng anh không có con chung, không có tài sản chung, không nợ ai, cũng không cho ai vay nợ nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản khai đề ngày 20/8/2024 (có xác nhận của T1 tại H Hoa Kỳ chứng thực), chị Duong Thom M trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Bùi Trọng Đ có đăng ký kết hôn vào ngày 06/11/2018 tại Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự do tìm hiểu, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn, anh Đ sinh sống tại Việt Nam. Còn chị quay trở lại Hoa Kỳ để làm việc. Anh Bùi Trọng Đ đã thực hiện phỏng vấn để nhập cư vào Hoa Kỳ nhiều lần nhưng không được, anh Đ không thể sang Hoa Kỳ chung sống cùng chị được. Từ khi kết hôn đến nay, vợ chồng chị không chung sống cùng nhau. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, điều kiện địa lý cách xa. Chị xác định chị không có tình nghĩa vợ chồng với anh Đ và chị cũng không còn tình cảm với anh Đ nên chị đồng ý ly hôn anh Bùi Trọng Đ. Hiện nay chị không có thai.

Về con chung: anh chị không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: anh chị không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: anh chị không ai nợ ai và không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do khoảng cách địa lý, chị không thể đến Toà án theo Giấy triệu tập nên chị đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt chị trong các buổi làm việc. Chị đề nghị Toà án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt chị. Chị đề nghị Toà án xét xử vắng mặt chị tại các phiên toà.

Do điều kiện công việc và do xa cách về địa lý nên chị đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải giữa chị và anh Bùi Trọng Đ. Chị đề nghị Toà án sớm đưa vụ án ra xét xử để chị ổn định cuộc sống, không kéo dài thời gian giải quyết vụ án như đã ghi trong Thông báo thụ lý.

Chị xin ủy quyền cho thân nhân của chị là ông Dương Văn S (sinh năm 1955; nơi thường trú: thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình) được quyền thay chị nhận tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình và giao nộp tài liệu

chứng cứ của chị, kể từ ngày chị ký Bản khai này cho đến khi kết thúc vụ án này tại Tòa án các cấp.

Tại Đơn trình bày ngày 19/8/2024, ông Dương Văn S có ý kiến như sau: ông được cô Duong T Mary uỷ quyền về việc ông nhận văn bản tố tụng của Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình gửi cho cô Duong Thom M và giao nhận các tài liệu, chứng cứ của cô Duong Thom M gửi cho Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình. Ông đồng ý nhận uỷ quyền của cô Duong Thom M. Ông cam kết sẽ thực hiện trách nhiệm của người được uỷ quyền.

Tại phiên toà: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, các điều 147, 227, 228, 266, 469, 470, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ, cho anh Bùi Trọng Đ được ly hôn chị Duong Thom M. Về án phí sơ thẩm: anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án.

Nguyên đơn là anh Bùi Trọng Đ hiện đang cư trú tại tỉnh Ninh Bình. Bị đơn là chị Duong Thom M hiện không có mặt tại Việt Nam, đang cư trú tại Hoa Kỳ. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Đ là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 40, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các điều 51, 121, 123, 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] Chị Duong Thom M vắng mặt nhưng có Văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án.

[2.1] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Anh Bùi Trọng Đ và chị Duong Thom M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình vào ngày 06/11/2018 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh Đ tiếp tục sinh sống tại Việt Nam, còn chị Duong Thom M quay trở lại Hoa Kỳ để làm việc. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay anh Bùi Trọng Đ và chị Duong Thom M không chung sống với nhau, vợ chồng sống ly thân, không có tình nghĩa vợ chồng. Như vậy, việc vợ chồng anh Bùi Trọng Đ và chị Duong Thom M sinh sống mỗi người một nơi; không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong một thời gian dài thể hiện hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ về việc cho ly hôn giữa anh Bùi Trọng Đ và chị Duong Thom M.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: anh Bùi Trọng Đ và chị Duong Thom M không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[3] Về lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: trong quá trình giải quyết vụ án không phát sinh lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: anh Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 37, 40, 144, 147, 150, 227, 228, 464, 469, 470, 474, 477, 478, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 19, 51, 56, 57, 121, 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Trọng Đ.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: anh Bùi Trọng Đ và chị Duong Thom M được ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Trọng Đ và chị Duong Thom M chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: anh Bùi Trọng Đ và chị Duong Thom M không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: anh Bùi Trọng Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số

0000025 ngày 03/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Anh Bùi Trọng Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, anh Bùi Trọng Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Duong Thom M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- Cục THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- UBND TP. Ninh Bình (để ghi vào Sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Nguyễn Thị Phụng**